

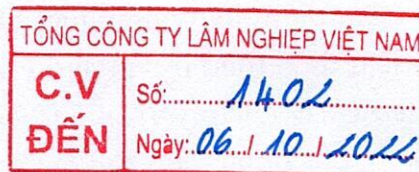
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022 /DSST

Ngày: 02/8/2022

V/v "Tranh chấp QSD đất, tài sản  
trên đất và Hợp đồng giao khoán"

CHƯA CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT



NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ TỈNH THÁI NGUYÊN  
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tất Dũng  
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 02/ 8/ 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 Về việc “ Tranh chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng giao khoán ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ông Bàn Phúc Thắng** ( tên gọi khác là **Bàn Phúc Đặng**), sinh năm 1989; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Văn hóa: 03/12; Nghề nghiệp: Tự do.

Trú tại: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt tại phiên tòa)

\* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

+ Ông Mai Tiên Dũng, sinh năm 1977;

+ Ông Tạ Quang Trang, sinh năm 1983; ( Có mặt tại phiên tòa)

+ Bà Hoàng Thị Thùy Dương, sinh năm 1994; ( Vắng mặt)

Đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH Đức Thành – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD' Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

**2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.**

Địa chỉ trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Lê Quốc Khánh** – Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Phạm Huy Bình**, sinh năm 1980;

(Theo Giấy Ủy quyền số 546/GUQ- TCT-PC &KSNB ngày 07/5/2020 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.)

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên – Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

(Có mặt tại phiên tòa)

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

3.1 Ông Bàn Như Thành (bố đẻ ông Thắng)

Ông Bàn Như Thành ủy quyền cho ông Bàn Phúc Thắng (theo giấy ủy quyền ngày 26/9/2019 tại UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên)

3.2 Bà Đàm Thị Huân, sinh năm 1991 (vợ ông Thắng)

Cùng địa chỉ: xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

3.3 Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971;

Trú tại: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và lời khai của ông Bàn Phúc Thắng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thắng tại phiên tòa trình bày: Năm 1993 và năm 1998, bố ông Thắng là ông Bàn Như Thành được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho diện tích đất 2,3 ha đất rừng thuộc lô 5, tiểu khu 413 và lô 18, khoảnh K11a theo sổ giao đất rừng năm 1993 và 5,10 ha thuộc khoảnh K3, lô 2, tiểu khu 413 giao năm 1998 thuộc xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Sổ xanh mang tên ông Bàn Như Thành và Ma Văn Thành (do Lâm trường Đồng Hỷ cấp sai họ và tên đệm của bố ông Thắng). Năm 2007, ông Thành đã cho tôi diện tích đất này để sử dụng. Gia đình tôi đã sử dụng ổn định từ khi được Lâm trường giao đất cho đến nay. Bên cạnh đó gia đình tôi có khai hoang thêm một số diện tích 6,08 ha đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 và diện tích 1,96 ha thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 thuộc xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2015 và năm 2016, Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần Lâm nghiệp Thái Nguyên ép tôi ký không hợp đồng thì mới cho khai thác. Hợp đồng không có ghi ngày, tháng, lô, khoảnh, không ghi diện tích bao nhiêu. Trước sức ép không đó, gia đình tôi buộc phải ký hợp đồng để được

khai thác và vận chuyển lâm sản mà gia đình tôi sản xuất được. Sau khi khai thác gỗ xong, gia đình tôi tiếp tục tự bỏ vốn đầu tư để trồng cây keo và cây phân.

Năm 2016, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự ý cho người cắm mốc vào diện tích đất gia đình tôi đang canh tác với lý do cho rằng đất đó của Công ty. Gia đình tôi không đồng ý nên đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến giải quyết tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến đã có nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Năm 2018, gia đình tôi có đơn yêu cầu Công ty Lâm nghiệp đo diện tích đất theo hiện trạng mà gia đình tôi sử dụng để đối chiếu. Kết quả đo xác định, đất tranh chấp thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến, tổng diện tích 13,48ha. Diện tích đất này đã được cấp Giấy chứng nhận số BA 866531 ngày 15/2/2011 và 1,96 ha đất rừng thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 đã được cấp cho Công ty Lâm nghiệp Việt Nam số BA 866531 ngày 15/02/2011. Tuy nhiên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tổng công ty lại không có hồ sơ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất đối với thửa số 30. Còn thửa số 188 thì cấp đất nhưng lại không đúng đối tượng.

Nay tôi không nhất trí với việc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần; Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên cho rằng đất là của Công ty nên vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án:

+ Xác định **13,48 ha** đất rừng và toàn bộ cây trên diện tích đất thuộc quyền sở hữu của gia đình tôi, gia đình tôi có quyền khai thác, vận chuyển và hưởng giá trị sản phẩm của số cây này, Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên không có quyền thu sản phẩm đối với số cây trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình tôi. Vị trí đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng của gia đình tôi (Trong đó có 7,40 ha đất được Lâm trường Đồng Hỷ cấp sổ xanh và 6,08 ha đất khai hoang thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 01 xã Hợp Tiến; diện tích 1,96 ha thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 xã Hợp Tiến thuộc quyền sử dụng của tôi).

+ Tuyên hủy các bản hợp đồng gia đình tôi đã ký với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên từ năm 2015 đến nay là vô hiệu do bị lừa dối, bị ép buộc, bị ký khống.

+ Tuyên hủy Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 15/2/2011.

Ông Bàn Phúc Thắng nhất trí với kết quả đo đạc của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo vẽ 2 vị trí đất tranh chấp có tổng diện tích là **150.411,8 m<sup>2</sup>**.

\* **Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – ông Phạm Huy Bình trình bày:** Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Thắng với lý do:

Thứ nhất về nguồn gốc đất: Là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP- chi nhánh Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên (Sau đây gọi tắt là “Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên”, “Công ty”) quản lý có nguồn gốc được ghi nhận qua các văn bản sau:

- Quyết định số 11TCCQ ngày 12/1/1973 về việc Hợp nhất 2 Lâm trường Phúc Trìu và Trại Cau thành LT Đồng Hỷ

- Quyết định số 634UB.QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái v/v thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đồng Hỷ Tổng diện tích được giao tại huyện Đồng Hỷ là 13.065ha

- Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v chuyển giao lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam Bàn giao nguyên trạng, nguyên canh nguyên cư về TCT Lâm nghiệp Việt Nam; Biên bản bàn giao Lâm trường Đồng Hỷ thuộc sở NN và PTNT Thái Nguyên về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam.

- Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/1/1999 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 248/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/1/2003 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Ván Dăm Thái Nguyên

- Quyết định số 141HĐQT/TCLĐ/QĐ ngày 10/6/2004 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp VN v/v hợp nhất Lâm trường Đồng Hỷ và Lâm trường Phú Bình trực thuộc Công ty Ván Dăm Thái Nguyên .

- Công văn số 34 CTVD/CV ngày 21/1/2005 V/v Tăng cường biện pháp quản lý sử dụng rừng và đất rừng Công văn đã gửi đến sở ban ngành, UBND huyện Đồng Hỷ, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ, Các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Tân Lợi, Hợp Tiến với nội dung trước đây Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng sổ “ Lâm bạ” đến ngày 30/03/2005 không còn giá trị mà chuyển thành hình thức “ Hợp đồng giao khoán.

- Công văn số 1294/UBND-NLN ngày 28/11/2005 V/v phối hợp giải quyết vùng nguyên liệu của nhà máy Ván dăm Thái Nguyên với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Nguyên

- Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành luật về đất đai đối với Công ty Ván dăm Thái Nguyên ngày 22/12/1998 .

- Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên.

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/2/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp GCN cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ Với diện tích được cấp 12.919.983,0 m<sup>2</sup>;

- Giấy chứng nhận QSD đất của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 tại xã Hợp Tiến;

- Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN.

- Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Văn bản số 3231/UBND - NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 1136/QĐ/HĐTV-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên v/v thu hồi đất do Chi nhánh TCT lâm nghiệp VN

- Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây Thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng hỷ để quản lý theo quy hoạch.

- Quyết định 215 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

- Công văn số 643/UBND-TNMT ngày 20/5/2016 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc tăng cường công tác phối hợp thực hiện lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên năm 2016

- Thông báo số 38TB/TCT-VP ngày 09/9/2016 của Tổng Giám đốc TCT Lâm nghiệp VN v/v chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, giới thiệu mẫu dấu, các chức danh và chữ ký.

#### Thứ hai, về hồ sơ giao đất giao rừng

Căn cứ đơn xin nhận đất nhận rừng do ông Bàn Như Thành ký ngày 27/3/1993. Lâm trường Đồng Hỷ có Quyết định giao đất giao rừng cho ông Bàn Như Thành ngày 30/11/1993 và ngày 20/5/1998; Có biên bản giao đất giao rừng tại lô 5 tiểu khu 413 diện tích 1,60 ha và lô 18 tiểu khu 11a diện tích 0,70 ha. Tổng diện tích 2,30 ha theo hồ sơ giao đất giao rừng số 927 năm 1993.

Quyết định giao đất giao rừng ngày 20/5/1998 tại lô 2 tiểu khu 413-k3 diện tích 5,10 ha. Ngày 20/7/2011 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán cho ông Bàn Phúc Thắng tại lô 3 khoảnh 11a , tiểu khu 413 diện tích 0,70 ha. Ngày 10/12/2015 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với bà Đàm Thị Huân( vợ ông Bàn Phúc Thắng) theo đơn xin

nhận khoán của bà Huân. Vị trí tại: Lô B9 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 1,60 ha; Lô B11 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 3.20 ha' Lô B29 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 4,00 ha.

Ngày 20/01/2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng( tức ông Bàn Phúc Thắng) tại Lô C50 khoảnh 11B tiểu khu 195 diện tích 0,75 ha

Ngày 28/02/2018 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng( tức ông Bàn Phúc Thắng) tại Lô E30 khoảnh 11B tiểu khu 195 diện tích 0,63 ha Trong khi đó, Tổng Công ty Lâm nghiệp có toàn quyền sử dụng, chiếm hữu và giao khoán trồng rừng đối với diện tích đất tranh chấp cùng những căn cứ sử dụng hợp pháp như đã nêu trên.

Thứ ba, về hiện trạng sử dụng đất:

Căn cứ biên bản làm việc ngày 16/10/2018 giữa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, UBND xã Hợp Tiến và Hộ nhận khoán ông Bàn phúc Thắng, tổng diện tích hộ ông Bàn Phúc Thắng đang canh tác trên đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý là 15,44 ha, trong đó công ty dự kiến trả về địa phương 0,47 ha và giữ lại sử dụng sau cổ phần hóa 14,97 ha. Diện tích 14,97 ha công ty giữ lại sử dụng sau khi cổ phần hóa gồm: diện tích 12,20 ha Công ty đã giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2015 và năm 2016; Diện tích 2,77 ha Công ty chưa giao khoán nhưng hộ ông Bàn Phúc Thắng đang lấn chiếm tự đầu tư. Tại khu vực khoảnh 3, tiểu khu 195, thộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006, diện tích đo theo hiện trạng sử dụng của hộ ông Bàn Phúc Thắng là 13,48 ha, trong đó 0,47 ha Công ty dự kiến trả về địa phương; 13,01 ha Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên giữ lại sau cổ phần hóa gồm 10,85 ha đất có hợp đồng giao khoán cho bà Đàm Thị Huân (vợ ông ông Bàn Phúc Thắng), 2,16 ha hộ ông Bàn Phúc Thắng đang lấn chiếm tự đầu tư.

Tại khu vực khoảnh 11B, tiểu khu 195, thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006, diện tích đo theo hiện trạng là 1,96 ha; có 1,96 ha Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên giữ lại sau cổ phần hóa gồm 1,35 ha Công ty đã giao khoán cho ông Bàn Phúc Thắng (Bàn Phúc Đăng chồng bà Đàm Thị Huân), 0,61 ha hộ ông Bàn Phúc Thắng (Bàn Phúc Thắng chồng bà Đàm Thị Huân) đang lấn chiếm tự đầu tư.

Đối với diện tích Công ty chưa giao khoán cho hộ ông Bàn Phúc Thắng đang lấn chiếm tự đầu tư (2,77ha), Công ty đã đề nghị ông Thắng ký hợp đồng nhận khoán với Công ty trong năm 2018. Hộ ông Bàn Phúc Thắng không có căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang lấn chiếm của Công ty.

Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện là công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 14,97 ha theo hiện trạng được đo ngày 16/10/2018 thuộc thửa 30, tờ

bản đồ số 1; thửa 188, tờ bản đồ số 4, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến và quyền sở hữu toàn bộ cây trên đất với lý do nguồn gốc đất được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho bố là ông Bàn Như Thành từ năm 1993-1998, ông được nhận tặng cho từ năm 2007, ông bị công ty ép ký hợp đồng trắng thì mới cho khai thác (Biên bản hòa giải tranh chấp ngày 27/8/2019 tại UBND xã Hợp Tiến). Tuy nhiên, Nguyên đơn cũng không xuất trình căn cứ cũng như trong tài liệu kèm theo đơn khởi kiện không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận việc tặng cho. Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên và căn cứ trên nhu cầu của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán. Trong khi đó, Tổng Công ty có toàn quyền sử dụng, chiếm hữu và giao khoán trồng rừng đối với diện tích đất tranh chấp cùng những căn cứ sử dụng hợp pháp như đã nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tổng công ty đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc công nhận diện tích 13,48 ha theo hiện trạng được đo ngày 16/10/2018 thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến và toàn bộ cây trên đất đã ký hợp đồng với công ty thuộc quyền sử dụng quyền sở hữu của gia đình nguyên đơn.

**Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Tiên Dũng, ông Tạ Quang Trang trình bày:**

Hồ sơ giao đất rừng của Lâm trường đồng hỷ hiện nay người dân vẫn chưa bị thu hồi. Phía Nguyên đơn đang sử dụng diện tích 13,48 ha thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Thắng không phải của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Cây trồng trên đất do bà Huân, ông Thắng đã bỏ vốn trồng và chăm sóc thuộc về gia đình ông Thắng. Hồ sơ giao đất, giao rừng này thực chất là Hợp đồng giao khoán, hiện nay chưa bị thu hồi nên vẫn còn giá trị và ông Thắng, bà Huân được quyền sử dụng. Căn cứ Điều 6 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 có quy định giao đất cho hộ gia đình, việc áp dụng Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995 của bị đơn là không đúng vì Nghị định này chỉ áp dụng trong các doanh nghiệp Nhà nước chứ không áp dụng cho các hộ gia đình. Theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994, thì các Hợp đồng giao khoán chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi, nếu Hợp đồng giao khoán này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao khoán này chưa hết thời hạn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván dăm của UBND tỉnh Thái Nguyên là không đúng quy định, vì không rà soát trước khi cấp, Hồ sơ giao khoán vẫn đang có hiệu lực pháp luật, người dân vẫn đang sử dụng ổn định nếu muốn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì phải thu hồi. Đối với cá nhân, hộ gia đình thì UBND huyện phải tiến hành thu hồi Hồ sơ giao khoán này thì mới đủ căn cứ để cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho bị đơn. Yêu cầu hủy các Hợp đồng giao khoán mà Nguyên đơn đã ký với Công ty lâm nghiệp do hợp đồng có dấu hiệu bị ép ký và ký không, Công ty cho người dân ký trước, sau đó mới điền nội dung. Chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau. Vì vậy đề nghị giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định ký hợp đồng trước sau đó mới điền nội dung làm căn cứ hủy hợp đồng giao nhận khoán và công nhận QSD đất là của ông Bàn Phúc Thắng.

Công ty Lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có sơ đồ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất nên người dân đang cho rằng việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất này cấp chồng lấn vào diện tích đất của gia đình ông Thắng đã sử dụng từ trước. Nếu như diện tích đất khởi kiện này đúng là của công ty Lâm nghiệp thì hai bên hòa giải và lập hợp đồng giao khoán theo ý chí của cả 2 bên chứ không phải từ phía Công ty.

**Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị Huân (vợ anh Bàn Phúc Thắng):** nhất trí với ý kiến của nguyên đơn anh Bàn Phúc Thắng.

**Ý kiến của người làm chứng:** ông Phạm Văn Trình, trình bày: Tôi là đội trưởng đội sản xuất lâm nghiệp của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thời điểm từ năm 2013-2021. Liên quan đến việc ký các hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông (bà) Bàn Phúc Thắng (Đàm Thị Huân) đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo hợp đồng là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký không với các hộ dân. Nay các hộ dân cho rằng Công ty ép các hộ ký không là không đúng.

Do hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông Bàn Phúc Thắng yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo ngày 01 tháng 6 năm 2020 xác định Tổng diện tích đất tranh chấp là **150.411,8 m<sup>2</sup>** vị trí tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 và thửa số 188 tờ bản đồ số 4, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

*( Có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo)*

Ngày 02/12/2020 Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị tài sản tranh chấp : \* Về giá trị đất: **150.411,8 m<sup>2</sup> x 9.000/ m<sup>2</sup> = 1.353.706.200 đồng.**

*( Một tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, hai trăm đồng)*

\* Về giá trị tài sản trên đất: Giá trị cây Keo, cây phân: 1.531.500.000 đồng  
**Tổng giá trị đất và tài sản trên đất: 2.885.506.200 đồng;** *( Hai tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm linh sáu nghìn, hai trăm đồng)*



### **Quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án:**

Tòa án đã phối hợp với các cơ quan lưu giữ tài liệu chứng cứ cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất rừng của 11 hộ dân xã Hợp Tiến huyện Đông Hỷ đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

**Tại công văn số 1217/UBND-CNN\$XD của UBND tỉnh Thái Nguyên** trình bày: + Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền Cấp GCNQSD đất: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009;

+ Về Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đông Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đông Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái ( nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Sau đó Lâm trường Đông Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Việc cấp GCNQSD đất : Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký QSD đất đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định. Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT. Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011. Thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật đất đai.(BL326).

**Tại Công văn số 55/CV-HKL ngày 18/4/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện Đông Hỷ cung cấp:**

Căn cứ sơ đồ trích đo (file số) hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình xã Hợp Tiến đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Hạt kiểm lâm đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng do Hạt kiểm lâm quản lý

theo Quyết định 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 đến năm 2020 thì khu vực trên về cơ bản đều thuộc Quy hoạch là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. Còn nội dung xác định chủ quản lý theo vị trí là số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích từng thửa không thuộc đối tượng theo dõi của Hạt kiểm lâm huyện Đồng Hỷ.

**Tại Công văn số 554/UBND ngày 04/7/2022 của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ cung cấp:**

Trước khi cổ phần hóa, chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã trả về địa phương diện tích đất là 817,23 ha ( 8.172,262 m<sup>2</sup> ) đất trồng rừng sản xuất tại Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất do chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã: Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng Hỷ để quản lý theo quy hoạch. Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương có biên bản bàn giao chỉ giới do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên để giao cho UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch ngày 03/6/2015. Diện tích đất hiện nay 11 Nguyên đơn đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên không nằm trong diện tích đất trả về địa phương mà hiện nay địa phương đang quản lý. Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương hiện nay UBND xã Hợp Tiến đã xây dựng xong phương án giao đất, cho thuê đất theo quy định. Đến thời điểm này UBND xã Hợp Tiến không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhận nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Đối với toàn bộ diện tích các hộ đang khởi kiện thì các hộ chưa có hồ sơ xin cấp GCNQSD đất lần nào. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án vì vậy Tòa án phải đưa ra xét xử công khai.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, ông Thắng và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thắng; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ( bà Huân) giữ nguyên quan điểm như nội dung yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng: Khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;

- Điều 7,10, 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Điều 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013; - Điều 105, 106, 107, 116,117,119, 289, 483,484,485 Bộ luật dân sự năm 2015;- Luật Lâm nghiệp năm 2017; - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ của các bên đương sự cung cấp và chứng cứ được Tòa án thu thập xác định nguồn gốc đất hiện ông Bàn Phúc Thắng đang quản lý, sử dụng là **150.411,8 m<sup>2</sup>** tương đương **15,04 ha** đất trồng rừng có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp là đất của Tổng Công ty đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất từ năm 2011 là hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông bàn Phúc Thắng đề nghị Tòa án xác định 13,48 ha thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Thắng. (Trong đó có 7,40 ha đất được Lâm trường ĐồngHỷ cấp sổ xanh và 6,08 ha đất khai hoang đều thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 01 giải thửa 2006 của xã HợpTiến; diện tích 1,96 ha thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4) và yêu cầu xác định toàn bộ cây trên diện tích đất thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Thắng.

+ Không chấp nhận yêu cầu Tuyên hủy các bản hợp đồng gia đình ông Thắng đã ký với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên từ năm 2015 đến nay.

+ Không chấp nhận yêu cầu Tuyên Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 15/2/2011. GCN số BA 866531 ngày 15/2/2011 và 1,96 ha đất rừng thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 đã được cấp cho Công ty Lâm nghiệp Việt Nam số BA 866531 ngày 15/02/2011.

Về chi phí tố tụng, án phí: Căn cứ Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ông Thắng có đơn đề nghị miễn án phí, do là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị HĐXX Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bàn Phúc Thắng. ( có bài phát biểu lưu hồ sơ)

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định:

\* **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Phúc Thắng xác định đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng và tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Tại phiên tòa, vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thắng( bà Dương), vắng mặt người làm chứng(Ông Trình) các bên đương sự đề nghị xét xử vắng mặt họ, ông Trình vắng mặt nhưng đã có quan điểm và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

\* **Về Nội dung:**

[1] **Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên:** Công nhận 13,48 ha thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến thuộc quyền sử dụng của ông, không phải của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (Trong đó có 7,40 ha đất được Lâm trường Đông Hỷ cấp sổ xanh và 6,08 ha đất khai hoang đều thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 01 giải thửa 2006 của xã Hợp Tiến; diện tích 1,96 ha thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 thuộc quyền sử dụng của ông . Đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của ông và ông có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất.

Kết quả do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng đất bằng máy xác định diện tích tranh chấp thực tế là **150.411,8 m<sup>2</sup>** tương đương **15,04 ha** đất trồng rừng chỉ là một phần diện tích đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số **BA 866776** tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích **6.481.800 m<sup>2</sup>** (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mét vuông*)

HĐXX xét thấy: Không có tài liệu chứng cứ nào xác định việc ông Bàn Phúc Thắng khai hoang, khai phá đất vào thời điểm năm 2006.

Thời điểm năm 2006 nhà nước đang thực hiện quản lý nhà nước về đất đai theo Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ – CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003. Trước đó Lâm trường Đông Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái( nay là tỉnh Thái Nguyên) và đang thực hiện Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha, trước thời điểm này đã thiết lập bản đồ quản lý rừng và đất rừng trên cơ sở của Bản đồ 299 theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính

phủ ngày 10 tháng 11 năm 1980 về “Công tác đo đạc, phân hàng và đăng ký ruộng đất trong cả nước” để quản lý chặt chẽ và thống nhất đất đai trong cả nước theo Quyết định 201-CP ngày 01 tháng 07 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ, thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các ngành, các cấp tiến hành công tác đo đạc, lập bản đồ phân loại đất, phân hạng đất canh tác và đăng ký, thống kê tình hình sử dụng ruộng đất trong cả nước. Về mặt thực tế sử dụng đất: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần được nhà nước giao đất quản lý, sử dụng đất và điều chỉnh việc quản lý, sử dụng đất theo các văn bản pháp luật bởi các Nghị định của Chính phủ, các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Thái cho phù hợp với các văn bản pháp luật trong từng giai đoạn khác nhau. Năm 1993 và 1998 bố ông Thắng là ông Bàn Như Thành được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho diện tích đất 2,3 ha đất rừng thuộc lô 5, tiểu khu 413 và lô 18, khoảnh K11a theo sổ giao đất rừng năm 1993 và 5,10 ha thuộc khoảnh K3, lô 2, tiểu khu 413 giao năm 1998 thuộc xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, được cấp Sổ xanh mang tên ông Bàn Như Thành (Ma Văn Thành), đất có nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ giao để trồng rừng và thực hiện quyền và nghĩa vụ với Lâm trường theo quy định tại Điều 2 Quyết định giao đất giao rừng. Ngoài ra ông Thắng, bà Huân còn đang quản lý, sử dụng khoảng 6,08 ha đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 và diện tích 1,96 ha thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 thuộc xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên ông cho là khai phá năm 2006.

Quá trình giải quyết vụ án ông Thắng, bà Huân không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh những vị trí đất đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp là đất của vợ chồng ông bà thuộc địa phận xã Hợp Tiến, tỉnh Thái Nguyên theo địa giới hành chính, không có văn bản nào của UBND xã Hợp Tiến xác nhận việc ông bà khai phá đất, bản thân ông bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng ông bà khai phá đất vào năm 2006, 2007 như những lời ông bà khai trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác UBND xã Hợp Tiến, xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty Lâm nghiệp trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất; Qua hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến thì không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp. Do vậy ông Thắng cho rằng đất tranh chấp là đất của ông khai hoang là không có căn cứ để chấp nhận nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị Tòa án Công nhận QSD 13,48 ha (đo thực tế là 15,04 ha) đất và cây rừng trồng trên đất là của ông.

**[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án Tuyên hủy tất cả các hợp đồng giao khoán do bị ép, bị ký không từ năm 2015.**

HĐXX thấy: Gia đình ông Bàn Phúc Thắng và bà Đàm Thị Huân có ký các Hợp đồng giao nhận khoán, cụ thể là:

Ngày 20/7/2011 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán cho ông Bàn Phúc Thắng - nguyên đơn tại lô 3 khoảnh 11a, tiểu khu 413 diện tích 0,70 ha.

Ngày 10/12/2015 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với bà Đàm Thị Huân (vợ ông Bàn Phúc Thắng) theo đơn xin nhận khoán của bà Huân. Vị trí tại: Lô B9 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 1,60 ha; Lô B11 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 3.20 ha; Lô B29 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 4,00 ha.

Ngày 20/01/2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng (tức ông Bàn Phúc Thắng) tại Lô C50 khoảnh 11B tiểu khu 195 diện tích 0,75 ha;

Ngày 28/02/2018 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng (tức ông Bàn Phúc Thắng) tại Lô E30 khoảnh 11B tiểu khu 195 diện tích 0,63 ha. Tổng diện tích gia đình ông Bàn Phúc Thắng, bà Đàm Thị Huân ký Hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp là 12,20 ha;

HĐXX thấy: Những Hợp đồng ông Bàn Phúc Thắng, bà Đàm Thị Huân đã ký với Công ty Lâm nghiệp từ năm 2011 đến năm 2018, trong khoảng thời gian đó ông Thắng, bà Huân không có đơn khiếu nại gì với Công ty Lâm nghiệp về việc giao nhận khoán sau khi ký hợp đồng. Việc giao đất của Lâm trường Đồng Hỷ trên cơ sở diện tích đất mà Lâm trường Đồng Hỷ được UBND tỉnh Bắc Thái giao đất giao rừng tại Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992, diện tích đất này thuộc quỹ đất của Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước. Còn việc giao đất cho các hộ dân theo Nghị định số 02-CP ngày 04/01/1994 trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp của từng địa phương và thẩm quyền quyết định xác lập các khu rừng và giao đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài trong trường hợp này là Chủ tịch UBND cấp huyện theo Điều 8 của Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và thời hạn giao đất cho hộ gia đình cá nhân là 50 năm, thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là Ủy ban nhân dân huyện giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai năm 1993.

+ *Xét về cơ chế giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:*

Trước năm 1999, Lâm trường Đồng Hỷ thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã thực hiện giao khoán cho các hộ nhận khoán là thực hiện theo Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng; Các Hợp đồng giao

khoán trông, chăm sóc và bảo vệ rừng được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn PAM và nguồn vốn dự án 327.

Thực hiện Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên đã có công văn số 34/CTVDTN về việc tăng cường biện pháp quản lý, sử dụng rừng và đất rừng. Trong đó Công ty yêu cầu các hộ nhận khoán trước đây được Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán bằng hồ sơ giao đất, giao rừng (sổ xanh) phải chuyển sang Hợp đồng giao khoán trông, chăm sóc và bảo vệ rừng theo Nghị định số 01/CP.

Thực hiện Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

Từ năm 2006 đến năm 2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã thực hiện giao khoán trông, chăm sóc bảo vệ rừng trên đất của Công ty được giao quản lý bằng các Hợp đồng giao khoán với các hộ dân.

Từ ngày 15/02/2017 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thực hiện giao khoán trông, chăm sóc bảo vệ rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH Một thành viên Nông, Lâm nghiệp nhà nước.

*Về mô hình giao khoán, cơ chế giao khoán, cơ chế hưởng lợi* được thực hiện theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về việc sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, Lâm nghiệp.

Tại phiên tòa ông Thắng, bà Huân thừa nhận những chữ ký trong các hợp đồng giao khoán là chữ ký của ông bà, nhưng ông bà chỉ ký chứ không có nội dung, ông bà bị ép ký không và trong hợp đồng ông bà đã ký không có số lô, số thửa. sau đó về Công ty tự ghi thêm nội dung giao khoán. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thắng cũng thừa nhận chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau khi ký. Ông Thắng, bà Huân và người bảo vệ quyền lợi của ông đề nghị Tòa án trung cầu giám định chữ ký, giám định tuổi mục trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của ông xác định hợp đồng ký trước sau đó mới điền nội dung sau. Hồ sơ giao đất giao rừng (Lâm trường Đồng Hỷ giao) chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, nếu Hồ sơ giao đất giao rừng này chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao đất giao rừng này chưa hết thời hạn, đây là căn cứ để hủy hợp đồng giao khoán trên đất của vợ chồng ông Thắng, bà Huân khai phá.

Hội đồng xét thấy: Những Hợp đồng giao nhận khoán ông Bàn Phúc Đăng (Bàn Phúc Thắng), bà Đàm Thị Huân (vợ ông Thắng) ký với Công ty đều dựa trên cơ sở của Đơn xin nhận khoán; các Phiếu nghiệm thu sản phẩm; Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do ông Đăng (Thắng), bà Huân ký với Công ty Lâm nghiệp đều có xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng giữa ông Bàn Phúc Đăng (Bàn Phúc Thắng), bà Đàm Thị Huân với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp.

Từ khi gia đình ông Thắng ký Hợp đồng nhận khoán và các năm tiếp theo với Công ty ông Thắng không có ý kiến thắc mắc gì. Khi khởi kiện ra Tòa ông bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông bà bị ép ký, bị ký không vào các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty, lời trình bày của ông bà là không có căn cứ.

Ông Phạm Văn Trình - Nguyên đội trưởng đội sản xuất của Công ty có ý kiến “ *Việc ký các Hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông Bàn Phúc Thắng Với Lâm trường Đông Hỷ, gia đình ông Thắng đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo Hợp đồng đã ký là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký không với các hộ dân. Nay các hộ cho rằng Công ty ép các hộ ký không là không đúng.* ”

Theo Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước quy định tại:

**“ Điều 11 Giao khoán đất lâm nghiệp:**

1. Bên giao khoán xác định diện tích, hiện trạng, vị trí, ranh giới từng lô, khoảnh rừng trên thực địa và bản đồ để giao cho bên nhận khoán bảo vệ, khoảnh nuôi tái sinh và trồng rừng theo hợp đồng;

2. Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm; **đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh.** ”

Ông Bàn Phúc Thắng, bà Đàm Thị Huân ký hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là rừng sản xuất thì thời hạn tính theo chu kỳ kinh doanh chứ không phải thời hạn là 50 năm như ông bà và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông bà trình bày. Vì vậy ông Thắng, bà Huân và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thắng cho rằng Công ty ép ký và cho ký không các hợp đồng, hợp đồng không ghi số lô, số khoảnh, đề nghị giám định tuổi mục trong hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp là không có căn cứ chấp nhận vì khi ký Hợp đồng bản thân ông Thắng, bà Huân là người có năng lực hành vi dân sự, có đơn xin nhận khoán do chính ông Thắng,



bà Huân ký, từ khi ông bà ký Hợp đồng nhận khoán đến nay ông bà đã và đang thực hiện hợp đồng và các Hợp đồng của ông bà ký có vị trí nằm trọn vẹn trong thửa 30 tờ bản đồ số 1 và thửa 188 tờ bản đồ số 4 xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là đất của Công ty Lâm nghiệp được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011. Việc ông cho là hợp đồng ký không ghi số lô số thửa, số khoảnh nhưng khi xảy ra tranh chấp chính ông là người dẫn đặc để xác định vị trí tranh chấp do đó Yêu cầu của ông Thắng, bà Huân đề nghị hủy các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp là không có căn cứ chấp nhận.

Trên phần đất lấn chiếm, ông Thắng, bà Huân đã trồng một số cây Keo và Phấn trên đất, gây thiệt hại đến tài sản của Công ty Lâm nghiệp và tạo dư luận xấu trong nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nếu ông Thắng, bà Huân không thỏa thuận được với Công ty Lâm nghiệp để được tiếp tục trồng rừng thì ông bà phải khai thác cây trồng trái phép trên đất của Công ty để trả lại đất cho Công ty.

Đối với một số cây trồng trên diện tích do ông Thắng, bà Huân đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà ông Thắng, bà Huân đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với ông Bàn Phúc Thắng, bà Đàm Thị Huân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**[3] Xét yêu cầu của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị Tòa án Tuyên hủy GCNQSD đất của Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên – chi nhánh của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.**

Ông Bàn Phúc Thắng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên hủy GCNQSD đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam do UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp ngày 15/02/2011.

Căn cứ Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái ( nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Năm 1998 khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý, thì diện tích đất của Lâm trường Đồng Hỷ có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến đường Linh Sơn đi La Hiên và Võ Nhai, Đông giáp huyện Võ Nhai, Tây giáp các xã Linh Sơn, Nam Hòa, Hợp Tiến, Tân

Lợi, Nam giáp tỉnh Hà Bắc, Lâm trường nằm trên đất của các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến và Tân Lợi bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Tại Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên.

Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN.

Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Việc cấp GCNQSD đất đã được Văn phòng đăng ký QSD đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình lên Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011.

Như vậy có đủ căn cứ xác định ông Bàn Phúc Thắng, bà Đàm Thị Huân đang quản lý sử dụng đất có tranh chấp với Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam có Nguồn gốc là đất của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có Quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thì diện tích đất được bàn giao nguyên trạng, tuy nhiên trong phạm vi ranh giới Lâm trường Đồng Hỷ có nhiều dân cư sinh sống, số dân cư này đã chiếm giữ một phần đất của Lâm trường.

Căn cứ Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009; Xét thấy việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho

Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền nên không cần thiết phải đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ án. Xét yêu cầu của ông Bàn Phúc Thắng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thắng đề nghị Tòa án hủy GCNQSD của Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: ông Bàn Phúc Thắng phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 23.900.000 đồng. Ông Thắng đã nộp và chi phí xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ cứ điểm e mục 1.3 án phí dân sự sơ thẩm trong danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Bàn Phúc Thắng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Giá trị tài sản (đất) là **1.353.706.200 đồng**  $= (36.000.000đ + 3\%$  của số tiền vượt quá 800 triệu đồng. Tổng tiền án phí là **52.611.186 đồng**). Tuy nhiên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ông Thắng là dân tộc thiểu số, được chính quyền địa phương xác nhận vào đơn đề nghị miễn án phí do có hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng kinh tế khó khăn nên Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bàn Phúc Thắng.

[7] Về quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tại phiên tòa đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng;

- Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Thông tư 06/LN KL ngày 18/6/1994 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;

- Điều 17, 10, 11, 12, 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Nghị định 17/1992/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;

- Điều 7, 8, 24, 28 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

- Điều 99, 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Điều 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị công nhận **13,48 ha** đất trồng rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của ông bà, vì vị trí đất tranh chấp được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích thực tế là **150.411,8 m<sup>2</sup>** tương đương **15,04 ha** đất trồng rừng thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 11, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số BA 866776 tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích **6.481.800 m<sup>2</sup>** (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mét vuông*)

- **Vị trí đất thứ nhất 131.191 m<sup>2</sup>** thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên:

+ Phía Đông giáp với đất ông Dương Tuấn Hùng đang sử dụng

+ Phía Tây giáp với đất ông Dương Tuấn Hùng đang sử dụng ; một phần tây bắc giáp đất anh Đặng Văn Nguyên đang sử dụng

+ Phía Bắc giáp với đất ông Phan Đức Lâm đang sử dụng

+ Phía Nam một phần giáp với đất ông Nghiêm Xuân Thông (có ranh giới là khe suối); một phần giáp đất bà Dương Thị Vỹ (có ranh giới là khe suối) đang sử dụng Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

- **Vị trí đất xác định thứ hai 19.220,8 m<sup>2</sup>** thuộc thửa số 188 tờ bản đồ số 4, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên:  
+ Phía Nam giáp với đất ông Bàn Phúc Thắng( đất vườn);  
+ Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn Bình đang sử dụng ;  
+ Phía Tây Bắc một phần giáp đất nhà ông Dương Như Lý, một phần giáp đất nhà ông Triệu Tiến Tiên (đã chết, hiện con trai là Triệu Văn Minh);  
+ Phía Tây Nam giáp với đất ông Bàn Phúc Hiện đang sử dụng;  
Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

( Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng mà ông Thắng cho rằng bị ép ký không từ năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 và BA 866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

4. Về chi phí tố tụng: ông Bàn Phúc Thắng phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản( đã chi phí xong).

5. **Án phí:** Miễn 52.611.186 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bàn Phúc Thắng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đông Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đông Hỷ;
- UBND xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Dân sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ



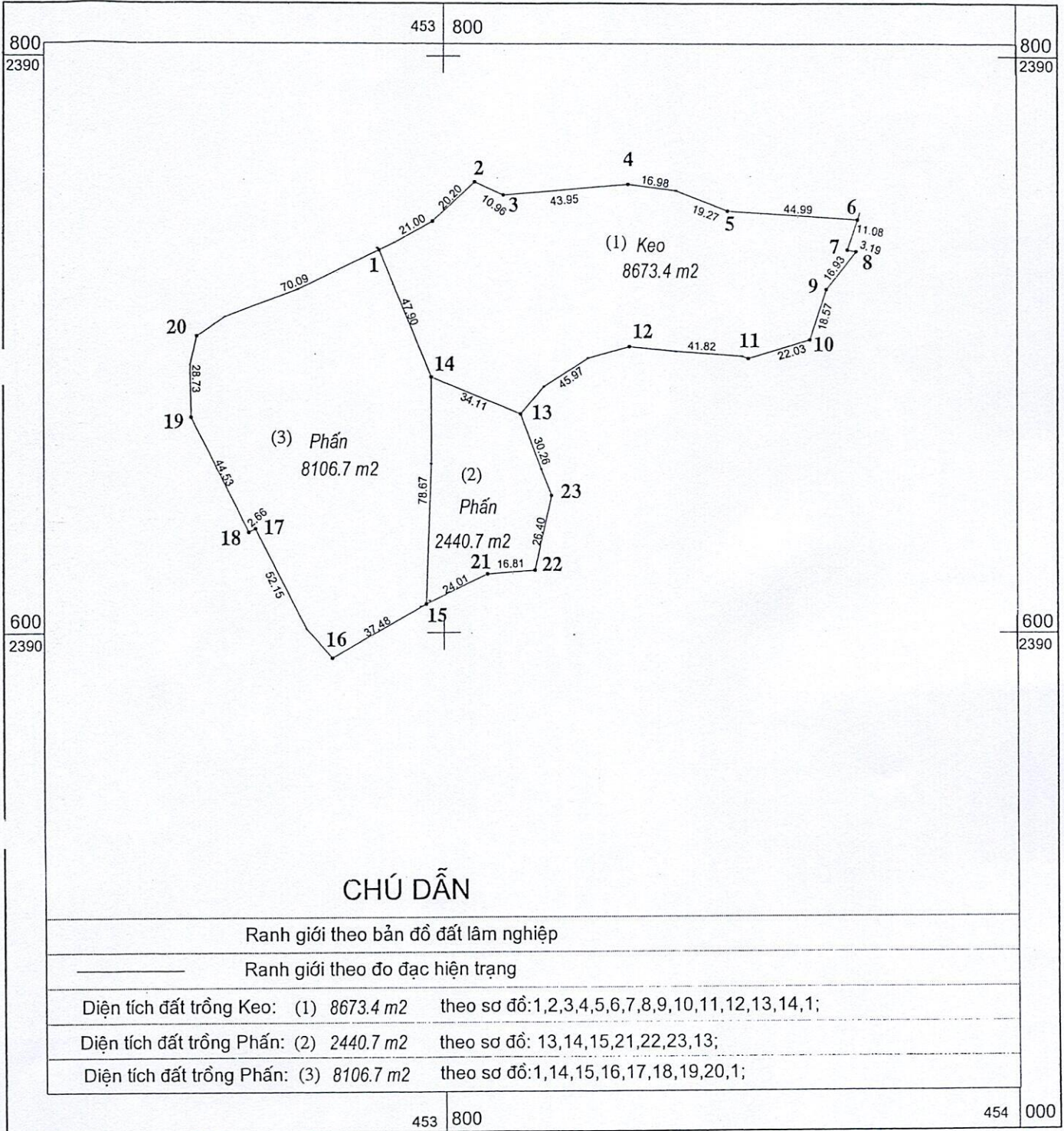
Mai Thị Hồng Thái



TÒA AN NƠI BAN L. ĐỒNG HỖ  
ĐIỂM 5 TỈ M: 178

# TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẤT ÔNG BÀN PHÚC THẠNG TẠI XOM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



Đo vẽ tháng 6 năm 2020

Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huân

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

Tháng 6 năm 2020

Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH

Hà Nguyễn Châu

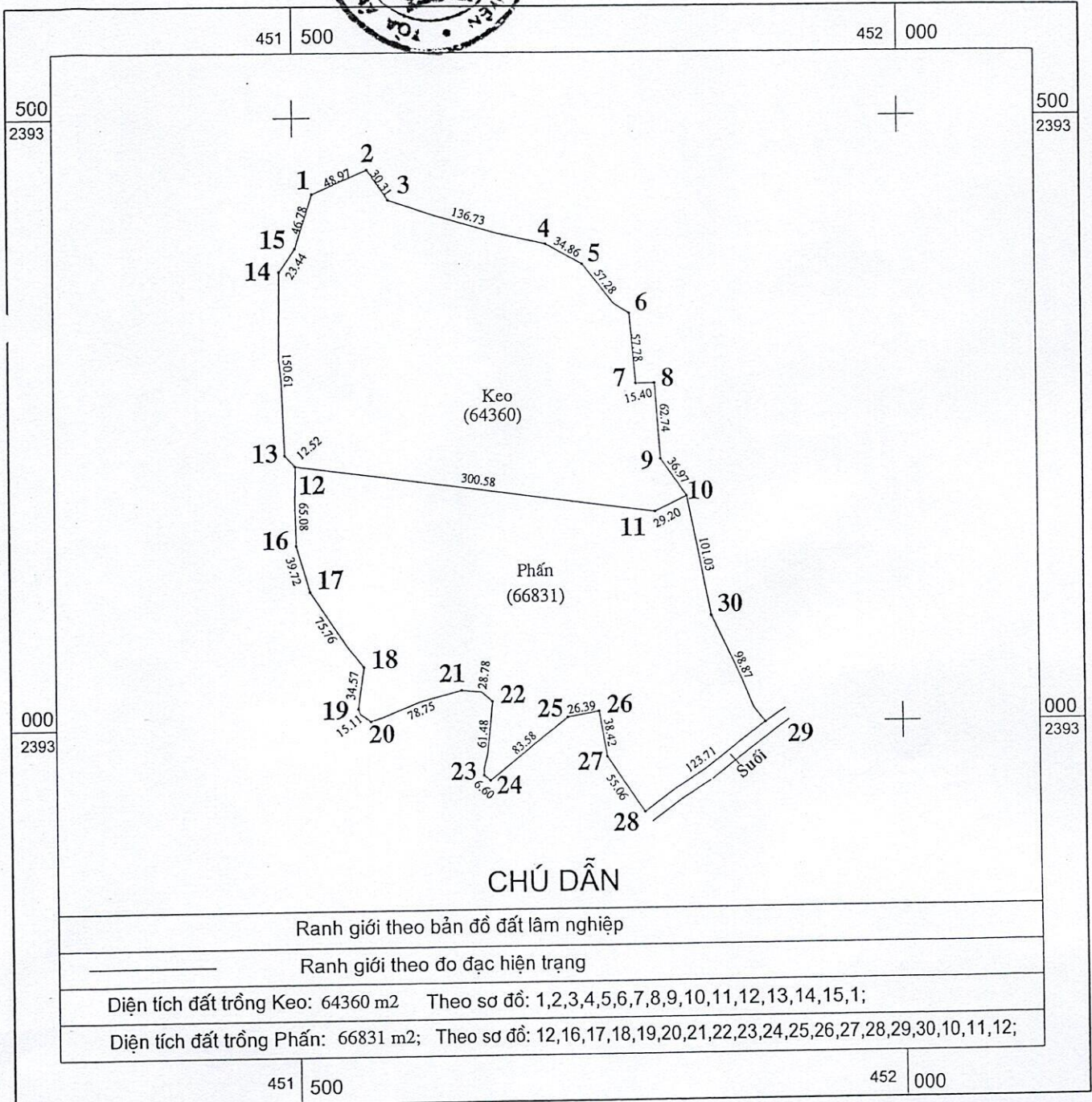


GIÁM ĐỐC №3  
Trần Văn Điền

TÒA LƯU LƯU DAN R. ĐỒNG HỖ  
BỘ LƯU LƯU 176

# TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ÔNG BÀN PHÚC THANG TẠI XOM BÀ VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



Đo vẽ tháng 6 năm 2020  
Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Tháng 6 năm 2020  
Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH  
Hà Nguyên Châu



GIÁM ĐỐC  
Trần Văn Điền

165